

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ

Bản án số: 536/2023/HS-ST
Ngày 28-9-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị B;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Anh D

Bà Nguyễn Thị Ngọc H

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Diệu L - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 217/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 518/2023/HSST-QĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023; Thông báo dời lịch xét xử ngày 05 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 847/HSST-QĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lưu Văn Q

Tên gọi khác: không

Giới tính: Nam

Sinh năm 1993.

Nơi cư trú: 26/11, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (Nơi thường trú: tổ 8, phường Q, thành phố H, tỉnh H).

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Tày;

Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: làm thuê

Trình độ học vấn: 12/12

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không

Họ tên cha: Lưu Văn C - Sinh năm 1965 (còn sống);

Họ tên mẹ: Lộc Thị V - Sinh năm 1972 (còn sống);

Họ tên em: Lưu Anh T - Sinh năm 2000;

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu, có vợ là Phạm Thị Phương M (sinh năm 1997) và có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/10/2022, chuyển tạm giam theo lệnh số 1194 ngày 09/11/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Đến ngày 18/01/2023 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Nguyễn Việt H

Tên gọi khác:

Giới tính: Nam

Sinh năm 1992.

Nơi cư trú: khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh T)

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: lao động tự do

Trình độ học vấn: lớp 12/12

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không

Họ tên cha: Nguyễn Văn B - Sinh năm 1961 (còn sống)

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L- Sinh năm 1963 (còn sống)

Họ tên chị: Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1987

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2 và chưa có vợ, con

Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/10/2022, chuyển tạm giam theo lệnh số 1191 ngày 09/11/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Đến ngày 18/01/2023 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Lưu Văn D

Tên gọi khác: không

Giới tính: Nam

Sinh năm 1991.

Nơi cư trú: 26/11 khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh H)

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp:

Trình độ học vấn: lớp 9/12

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không

Họ tên cha: Lưu Văn B - Sinh năm 1968 (còn sống)

Họ tên mẹ: Phan Thị T - Sinh năm 1968 (còn sống)

Họ tên em: Lưu Tổ D- Sinh năm 1995

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu, có vợ là Phan Thị T (sinh năm 1998- đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/10/2022, chuyển tạm giam theo lệnh số 1196 ngày 09/11/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Đến ngày 18/01/2023 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Lê Văn A

Tên gọi khác: không

Giới tính: Nam

Sinh năm 2002.

Nơi cư trú: Hẻm 631 đường Phạm Văn T, khu phố 2, phường T, thành phố B. (Nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh T)

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: không

Trình độ học vấn: lớp 8/12

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không

Họ tên cha: Lê Văn D - Sinh năm 1976 (còn sống);

Họ tên mẹ: Vũ Thị H- Sinh năm 1977 (còn sống);

Họ tên em: Lê Thị A - Sinh năm 2006;

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu, có vợ là Lâm Thị M (sinh năm 2003) và có 01 con sinh năm 2020;

Tiền án, Tiền sự: không

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/10/2022, chuyển tạm giam theo lệnh số 1192 ngày 09/11/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Đến ngày 18/01/2023 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: Nghiêm Đức L

Tên gọi khác: không

Giới tính: Nam

Sinh năm 1999.

Nơi cư trú: 26/11, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Nơi đăng ký thường trú: số 01, thị trấn T, huyện H, tỉnh T)

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: lao động tự do

Trình độ học vấn: lớp 12/12

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không

Họ tên cha: Nghiêm Xuân D - Sinh năm 1974 (đã chết)

Họ tên mẹ: Bàn Thị H - Sinh năm 1975 (còn sống)

Họ tên chị: Nghiêm Thuỳ D - Sinh năm 1996

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2 và chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/10/2022, chuyển tạm giam theo lệnh số 1193 ngày 09/11/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Đến ngày 18/01/2023 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

6. Họ và tên: Đường Văn T

Tên gọi khác: không

Giới tính: Nam

Sinh năm 1997.

Nơi cư trú: 26/11, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh H)

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: không
Trình độ học vấn: lớp 07/12

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không

Họ tên cha: Đường Văn K - Sinh năm 1973 (còn sống)

Họ tên mẹ: Nông Thị L - Sinh năm 1974 (còn sống)

Họ tên chị: Đường Thị P - Sinh năm 1994

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2 và chưa có vợ con

Tiền án, Tiền sự: không

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/10/2022, chuyển tạm giam theo lệnh số 1195 ngày 09/11/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Đến ngày 18/01/2023 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp cho bảo lãnh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lương Thị T** ngụ tổ 2, khu phố 5, thị trấn V, huyện V (vắng mặt tại phiên tòa)

2. Ông **Vòng Lý D** ngụ tổ 8, ấp 1, xã V, huyện V (vắng mặt tại phiên tòa) (vắng mặt)

3. Ông **Nguyễn Phương P** ngụ tổ 8, ấp 1, xã V, huyện V (vắng mặt tại phiên tòa)

4. Bà **Hoàng Thị H** ngụ tổ 6, khu phố 8, thị trấn V, huyện V (vắng mặt tại phiên tòa)

5. Ông **Nguyễn Thành T** ngụ khu phố 2, thị trấn V, huyện V (vắng mặt tại phiên tòa)

6. Bà **Cao Thị T** ngụ tổ 11, khu phố L, phường T, thành phố B (vắng mặt tại phiên tòa)

7. Bà **Nguyễn Thị T** ngụ khu phố 3, phường T, thành phố B (vắng mặt tại phiên tòa)

8. Ông **Nguyễn Đăng K** ngụ tổ 18, ấp 2, xã V, huyện V (vắng mặt tại phiên tòa)

9. Ông **Võ Mạc L** ngụ khu phố 2, thị trấn V, huyện V (vắng mặt tại phiên tòa)

10. Ông **Huỳnh Ngọc T** ngụ số 5/24, khu phố 3, phường B, thành phố B (vắng mặt tại phiên tòa)

11. Ông **Nguyễn Hoàng T**, cư ngụ tại số: 959B, tổ 19, khu phố 2, phường A, thành phố B (vắng mặt tại phiên tòa)

12. Ông **Đỗ Trung K** ngụ số 10/26, tổ 13, khu phố 4A, phường T, thành phố B (vắng mặt tại phiên tòa)

13. Ông Lê Thọ T ngụ tổ 9, khu phố 2, thị trấn V, huyện V (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 5/2022, Lưu Văn Q và Lưu Văn D đến thành phố B sinh sống và thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Trong quá trình hoạt động cho vay thì Q và D rủ rê Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T cùng tham gia giúp sức cho Q và D trong việc đi cho vay và thu tiền. Để có tiền cho vay thì Q bỏ ra 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), H bỏ ra 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), L bỏ ra 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), Văn A bỏ ra 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cùng góp với nhau để đi cho vay và Q là người giữ tiền, quản lý hoạt động cho vay của cả nhóm. Để tìm người vay tiền thì Q đã in số điện thoại 0858.604.509 lên các tờ rơi rồi đem đi phát ở các khu vực dân cư trong thành phố B và huyện V, ngoài ra Q còn đăng thông tin cho vay tiền lên mạng xã hội Facebook để khi những người có nhu cầu vay tiền sẽ liên lạc với Q. Khi người vay tiền liên hệ qua số điện thoại trên thì Q sẽ cho Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T xác minh thông tin địa chỉ, tài sản của người vay. Sau khi xác minh người vay tiền đủ điều kiện vay thì Q sẽ hướng dẫn người vay về việc cho vay tiền, số tiền thực nhận, tiền phí, số tiền góp hàng ngày và số ngày trả góp với mức lãi suất từ 13,07%/tháng đến 69,44%/tháng. Khi cho vay thì Q thu tiền phí là 05% trên tổng số tiền vay (nhưng cũng tùy từng người vay mà có một số trường hợp sẽ thu tiền phí thấp hơn hoặc cao hơn) và yêu cầu người vay đóng trước tiền trả góp trước 02 ngày. Nếu người vay chưa trả hết tiền của lần vay trước mà muốn vay tiếp thì khi cho vay Q sẽ trừ luôn số tiền người vay chưa trả của lần vay trước vào số tiền cho vay của lần vay mới nên người vay chỉ nhận được số tiền còn lại và coi như lần vay trước đã trả xong. Ngoài ra, tùy từng trường hợp cụ thể theo thỏa thuận giữa Q với người vay thì tiền phí, lãi suất, thời hạn trả góp và số tiền trả góp hàng ngày có thể thay đổi, không cố định.

Từ tháng 5/2022 đến ngày 29/10/2022, Lưu Văn Q, Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T, Lưu Văn D đã sử dụng số tiền gốc là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) để cho nhiều người trên địa bàn thành phố B và huyện V vay tiền với lãi suất cao và thu lợi bất chính. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác định Lưu Văn Q, Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T, Lưu Văn D đã thu lợi bất chính của 13 người vay tiền trong 29 lần cho vay, cụ thể như sau:

1. Từ ngày 18/9/2022 đến ngày 08/10/2022, Quyết và đồng phạm cho bà **Lương Thị T** ngụ tổ 2, khu phố 5, thị trấn V, huyện V vay 02 khoản vay như sau:

- Khoản vay 01:

+ Ngày 18/9/2022, Quyết và đồng phạm cho bà **Lương Thị T** vay lần 1 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà Thuý phải trả tiền phí 2.000.000đ (Hai

triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nên số tiền bà T được nhận là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Tổng số tiền bà T phải trả là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong 25 ngày tương đương với lãi suất 33,33%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 21 ngày thì bà T đã vay lần thứ 02 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền bà T còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 39,68%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 21 ngày là 210.420đ (Hai trăm mười nghìn bốn trăm hai mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 6.789.580đ (Sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mươi đồng).

+ Ngày 08/10/2022, Q và đồng phạm cho bà T vay lần 02 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 01 nên số tiền bà T được nhận là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi bà T trả góp được 21 ngày với số tiền 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) thì Quyết và đồng phạm đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 21 ngày là 210.420đ (Hai trăm mười nghìn bốn trăm hai mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.789.580đ (Hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn năm trăm tám mươi đồng).

- Khoản vay 02:

+ Ngày 25/9/2022, Q và đồng phạm cho bà T vay khoản vay 02 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), bà T phải trả tiền phí 1.000.000đ (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 1.000.000đ (Một triệu đồng) nên số tiền bà T được nhận là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Tổng số tiền bà T phải trả là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trong 25 ngày tương đương với lãi suất 33,33%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 12 ngày thì bà T đã vay lần thứ 02 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền bà T còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 69,44%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 12 ngày là 60.120đ (Sáu mươi nghìn một trăm hai mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.439.880đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn tám trăm tám mươi đồng).

- Ngày 06/10/2022, Q và đồng phạm cho bà T vay lần 02 của khoản vay 02 với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 01 nên số tiền bà T được nhận là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên đến ngày 29/10/2022 bà T đã trả xong khoản vay này. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 24 ngày (từ 06/10/2022 đến 29/10/2022) là 120.240đ (Một trăm hai mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.379.760đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

2. Ngày 04/9/2022, Quyết và đồng phạm cho ông **Vòng Lý D** ngụ tổ 8, ấp 1, xã V, V vay lần 01 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông D phải trả tiền phí 1.000.000đ (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) nên số tiền ông D được nhận là 17.400.000đ

(Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông D phải trả là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) trong 30 ngày tương đương với lãi suất 21,05%/tháng. Tuy nhiên, sau khi ông D trả góp được 17 ngày với tổng số tiền 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng) thì đến ngày 22/9/2022, ông D đã vay lần 02 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền ông D còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 33,24%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 19 ngày (từ ngày 04/9/2022 đến ngày 22/9/2022) là 200.956đ (Hai trăm nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 4.799.044đ (Bốn triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng).

- Ngày 22/9/2022, Q và đồng phạm cho ông D vay lần 02 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 01 nên số tiền ông D được nhận là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Sau khi ông D trả góp được 17 ngày với tổng số tiền 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng) thì đến ngày 22/9/2022, ông D đã vay lần thứ 03 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền ông D còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 33,24%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà H được hưởng trong 19 ngày (từ ngày 22/9/2022 đến ngày 10/10/2022) là 200.956đ (Hai trăm nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 4.799.044đ (Bốn triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng).

- Ngày 10/10/2022, Q và đồng phạm cho ông D vay lần 03 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 02. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 02 nên số tiền ông D được nhận là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Sau khi ông D trả góp được 17 ngày với số tiền 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng) thì Q và đồng phạm đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ nên ông D vẫn còn nợ Q và đồng phạm 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính Q và đồng phạm nhằm đạt được là 4.682.700đ (Bốn triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng), nhưng Q và đồng phạm mới chỉ thu lợi bất chính được 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền phí.

3. Ngày 01/9/2022, Quyết và đồng phạm cho ông **Nguyễn Phương P** ngụ tổ 8, ấp 1, xã V, huyện V vay lần 01 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ông P phải trả tiền phí 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên số tiền ông P được nhận là 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông P phải trả là 37.500.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) trong 25 ngày tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Tuy nhiên, sau khi ông P trả góp được 15 ngày với tổng số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) thì đến ngày 17/9/2022, ông P đã vay lần 02 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền ông P còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 46,44%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 17 ngày (từ ngày 01/9/2022 đến ngày 17/9/2022) là 269.705đ (Hai trăm sáu mươi chín

ngàn bảy trăm lẻ năm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 8.730.295đ (Tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng).

- Ngày 17/9/2022, Q và đồng phạm cho ông P Vay lần 02 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 01 nên số tiền ông P được nhận là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 15 ngày với tổng số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) thì đến ngày 03/10/2022, ông P đã vay lần 03 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền ông P còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 46,44%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Hưng được hưởng trong 17 ngày (từ ngày 17/9/2022 đến ngày 03/10/2022) là 269.705đ (Hai trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm lẻ năm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 8.730.295đ (Tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng).

- Ngày 03/10/2022, Q và đồng phạm cho ông P Vay lần 03 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 02. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 02 nên số tiền ông P được nhận là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 15 ngày với tổng số tiền 22.500.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) thì đến ngày 19/10/2022, ông Phi đã vay lần 04 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền ông P còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 46,44%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Quyết và đồng phạm được hưởng trong 17 ngày (từ ngày 03/10/2022 đến ngày 19/10/2022) là 269.705đ (Hai trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm lẻ năm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 8.730.295đ (Tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng).

- Ngày 19/10/2022, Q và đồng phạm cho ông P vay lần 04 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 03. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 03 nên số tiền ông P được nhận là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi ông P trả góp được 10 ngày với tổng số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) thì Q và đồng phạm đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ nên ông P vẫn còn nợ Q và đồng phạm 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính Q và đồng phạm nhằm đạt được là 8.603.375đ (Tám triệu sáu trăm lẻ ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng), nhưng Q và đồng phạm mới chỉ thu lợi bất chính được 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền phí.

4. Ngày 28/8/2022, Q và đồng phạm cho bà **Hoàng Thị H** ngụ tổ 6, khu phố 8, thị trấn V, huyện V vay lần 01 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bà H phải trả tiền phí 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) nên số tiền bà H được nhận là 13.050.000đ (Mười ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bà H phải trả là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) trong 30 ngày tương đương với lãi suất 21,05%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 15 ngày với tổng số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) thì đến ngày 13/9/2022, bà H đã vay lần 02 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền bà H còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 37,15%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức

1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 17 ngày (từ ngày 28/8/2022 đến ngày 13/9/2022) là 134.852đ (Một trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.615.148đ (Ba triệu sáu trăm mười lăm nghìn một trăm bốn mươi tám đồng).

- Ngày 13/9/2022, Q và đồng phạm cho bà H Vay lần 02 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 01 nên số tiền bà H được nhận là 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 15 ngày với tổng số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) thì đến ngày 28/9/2022, bà H đã vay lần 03 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền bà H còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 39,47%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 16 ngày (từ ngày 13/9/2022 đến ngày 28/9/2022) là 126.920đ (Một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.623.080đ (Ba triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn không trăm tám mươi đồng).

- Ngày 28/9/2022, Q và đồng phạm cho bà H Vay lần 03 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 02. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 02 nên số tiền bà H được nhận là 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi trả góp được 15 ngày với số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) thì đến ngày 13/10/2022, bà H đã vay lần 04 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền bà H còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 39,47%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Quyết và đồng phạm được hưởng trong 16 ngày (từ ngày 28/9/2022 đến ngày 13/10/2022) là 126.920đ (Một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.623.080đ (Ba triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn không trăm tám mươi đồng).

- Ngày 13/10/2022, Q và đồng phạm cho bà H Vay lần 04 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 03. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 03 nên số tiền bà H được nhận là 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, sau khi bà H trả góp được 16 ngày với tổng số tiền 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) thì Q và đồng phạm đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ nên bà H vẫn còn nợ Q và đồng phạm 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính Q và đồng phạm nhằm đạt được là 3.512.025đ (Ba triệu năm trăm mười hai nghìn không trăm hai mươi lăm đồng), nhưng Q và đồng phạm mới chỉ thu lợi bất chính được 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí.

5. Ngày 27/9/2022, Q và đồng phạm cho ông **Nguyễn Thành T** ngụ khu phố 2, thị trấn V, huyện V vay lần 01 số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), ông T phải trả tiền phí 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) nên số tiền ông T được nhận là 34.000.000đ (Ba mươi bốn triệu đồng). Tổng số tiền ông T phải trả là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 2.000.000đ (Hai triệu đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 26,32%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 17 ngày với tổng số tiền 34.000.000đ (Ba mươi bốn triệu đồng) thì đến ngày 14/10/2022, ông T đã

vay lần 02 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền bà Hạt còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 35,09%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 18 ngày (từ ngày 27/9/2022 đến ngày 14/10/2022) là 380.760đ (Ba trăm tám mươi nghìn bảy trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 9.619.240đ (Chín triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

- Ngày 14/10/2022, Q và đồng phạm cho ông T Vay lần 02 số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Do phải trả tiền còn thiếu của lần vay 01 nên số tiền ông T được nhận là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi ông T trả góp được 15 ngày với tổng số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) thì Q và đồng phạm đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ nên ông T vẫn còn nợ Q và đồng phạm 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính Q và đồng phạm nhằm đạt được là 9.492.320đ (Chín triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi đồng), nhưng Q và đồng phạm mới chỉ thu lợi bất chính được 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền phí.

6. Ngày 26/9/2022, Q và đồng phạm cho bà **Cao Thị T** ngụ tổ 11, khu phố L, phường T, thành phố B vay lần 01 số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), bà T phải trả tiền phí 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nên số tiền bà T được nhận là 7.050.000đ (Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bà T phải trả là 9.000.000đ (Chín triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) trong 30 ngày tương đương với lãi suất 13,07%/tháng. Khoản vay này bà T đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 30 ngày là 127.755đ (Một trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.222.245đ (Một triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng).

- Ngày 17/10/2022, Q và đồng phạm cho bà T vay lần 02 số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần 01. Tuy nhiên, sau khi bà T trả góp được 13 ngày với tổng số tiền 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) thì Q và đồng phạm đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ nên bà T vẫn còn nợ Q và đồng phạm 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính Q và đồng phạm nhằm đạt được là 1.222.245đ (Một triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng), nhưng Q và đồng phạm mới chỉ thu lợi bất chính được 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí.

7. Ngày 18/9/2022, Quyết và đồng phạm cho bà **Nguyễn Thị T** ngụ khu phố 3, phường T, thành phố B vay số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), bà T không phải trả tiền phí và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nên số tiền bà T được nhận là 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền bà T phải trả là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) và trả góp mỗi ngày 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 25%/tháng. Khoản vay này bà Thuyết đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 24 ngày là 80.160đ

(Tám mươi nghìn một trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.119.840đ (Một triệu một trăm mười chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

8. Khoảng tháng 9/2022 (không rõ ngày), Q và đồng phạm cho ông **Nguyễn Đăng K** ngụ tổ 18, ấp 2, xã V, huyện V vay lần 01 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông K phải trả tiền phí 1.000.000đ (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) nên số tiền ông K được nhận là 17.400.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông K phải trả là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) trong 30 ngày tương đương với lãi suất 21,05%/tháng. Khoản vay này ông K đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 30 ngày là 317.300đ (Ba trăm mười bảy nghìn ba trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 4.682.700đ (Bốn triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

- Khoảng tháng 9/2022 (không rõ ngày), Q và đồng phạm cho ông K vay lần 02 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần vay 01. Khoản vay này ông K cũng đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 30 ngày là 317.300đ (Ba trăm mười bảy nghìn ba trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 4.682.700đ (Bốn triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

- Khoảng tháng 10/2022 (không rõ ngày), Q và đồng phạm cho ông K vay lần 03 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần vay 01. Tuy nhiên, khoản vay này ông K mới trả góp được 05 ngày và không trả được nữa nên vẫn còn nợ Q và đồng phạm 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính Q và đồng phạm nhằm đạt được là 4.682.700đ (Bốn triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm đồng), nhưng Q và đồng phạm mới chỉ thu lợi bất chính được 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền phí.

9. Ngày 22/10/2022, Quyết và đồng phạm cho ông **Võ Mạc L** ngụ khu phố 2, thị trấn V, huyện V vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông L phải trả tiền phí 1.000.000đ (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) nên số tiền ông L được nhận là 17.800.000đ (Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông L phải trả là 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 26,32%/tháng. Tuy nhiên, ông L mới trả góp được thêm 08 ngày với tổng số tiền 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng) thì Q và đồng phạm bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ nên ông L vẫn còn nợ Q và đồng phạm 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính Q và đồng phạm nhằm đạt được là 4.746.160đ (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi đồng), nhưng Q và đồng phạm mới chỉ thu lợi bất chính được 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền phí.

10. Khoảng tháng 8/2022 (không rõ ngày), Q và đồng phạm cho ông **Huỳnh Ngọc T** ngụ số 5/24, khu phố 3, phường B, thành phố B vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ông T phải trả tiền phí 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nên số tiền ông T được nhận là 4.150.000đ (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền ông T phải trả là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) trong 20 ngày tương đương với lãi suất 31,58%/tháng. Khoản vay này ông T đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 20 ngày là 52.883đ (Năm mươi hai nghìn tám trăm tám mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.197.117đ (Một triệu một trăm chín mươi bảy nghìn một trăm mười bảy đồng).

11. Khoảng tháng 10/2022 (không rõ ngày), Quyết và đồng phạm cho ông **Nguyễn Hoàng T** ngụ số 959B, tổ 19, khu phố 2, phường A, thành phố B vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ông T không phải trả tiền phí và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nên số tiền ông T được nhận là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông T phải trả là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 25%/tháng. Sau khi trả góp được 04 ngày thì Q và đồng phạm đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ nên ông T vẫn còn nợ Q và đồng phạm 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính Q và đồng phạm nhằm đạt được là 933.200đ (Chín trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng) nhưng chưa kịp thu lợi.

12. Ngày 10/10/2022, Q và đồng phạm cho ông **Đỗ Trung K** ngụ số 10/26, tổ 13, khu phố 4A, phường T, thành phố B vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), ông K phải trả tiền phí 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên số tiền ông K được nhận là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Tổng số tiền ông K phải trả là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trong 24 ngày tương đương với lãi suất 27,78%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 14 ngày thì ông K không trả góp được nữa nên ông K vẫn còn nợ Q và đồng phạm 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính Q và đồng phạm nhằm đạt được là 4.319.640đ (Bốn triệu ba trăm mười chín nghìn sáu trăm bốn mươi đồng), nhưng Q và đồng phạm mới chỉ thu lợi bất chính được 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền phí.

13. Khoảng tháng 9/2022 (không rõ ngày), Q và đồng phạm cho bà **Nguyễn Thị P** ngụ tổ 9, khu phố 2, thị trấn V, huyện V vay lần 01 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), bà P phải trả tiền phí 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) nên số tiền bà P được nhận là 13.050.000đ (Mười ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bà P phải trả là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) và trả góp mỗi ngày 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) trong 30 ngày tương đương với lãi suất 21,05%/tháng. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 22 ngày thì bà P đã vay lần 02 và khi cho vay thì Q và đồng phạm đã trừ hết số tiền bà P còn thiếu của lần vay này nên lãi suất thực tế là 28,71%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà Q và đồng phạm được hưởng trong 22 ngày là 174.515đ (Một trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm mười lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.575.485đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

- Khoảng tháng 10/2022 (không rõ ngày), Q và đồng phạm cho bà P vay lần 02 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần vay 01. Tuy nhiên, sau khi trả góp được 05 ngày thì bà P không còn khả năng trả góp được nữa nên bà P vẫn còn nợ Q và đồng phạm 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính Q và đồng phạm nhằm đạt được là 3.512.025đ (Ba triệu năm trăm mười hai nghìn không trăm hai mươi lăm đồng), nhưng H mới chỉ thu lợi bất chính được 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền phí.

Ngày 29/10/2022, Đội Cảnh sát kinh tế Công an thành phố B phối hợp cùng Công an phường T, thành phố B tiến hành kiểm tra hộ khẩu tại chỗ ở của Lưu Văn Q, Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T, Lưu Văn D tại nhà số 177/18B, Khu phố 2, phường T, thành phố B thì phát hiện Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D có hành vi cho vay lãi nặng nên đã tiến hành lập hồ sơ điều tra, xác minh. Ngày 31/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã bắt, tạm giữ Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D để điều tra, xử lý.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định lãi suất do các bên tự thỏa thuận, nhưng không vượt quá 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng). Lưu Văn Q, Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T, Lưu Văn D đã cho 13 người vay tiền trong 29 lần vay với lãi suất từ 13,07%/tháng đến 69,44%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự. Số tiền thu lợi bất chính Lưu Văn Q, Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T, Lưu Văn D nhằm đạt được là 134.854.798đ (Một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng). Tuy nhiên, Lưu Văn Q, Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T, Lưu Văn D mới thu lợi bất chính được 98.998.408đ (Chín mươi tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm lẻ tám đồng) thì bị bắt giữ để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI: 35373039322526 của bị can Lưu Văn Q sử dụng vào việc phạm tội;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số IMEI: 357730385078630 của bị can Nguyễn Việt H sử dụng vào việc phạm tội;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số IMEI: 35769096501564 của bị can Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 35670908670092 của bị can Lê Văn A sử dụng vào việc phạm tội;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 35297809005105 của bị can Đường Văn T sử dụng vào việc phạm tội.
- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60H1-320.88; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60F3-009.44; 01 (một) xe mô tô Honda Wave, biển số 54Z3-2359, 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 79D1-551.58 là phương tiện của bị can Lưu Văn Q sử dụng vào việc phạm tội.
- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 60B2-268.53 và 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro là tài sản của chị Lộc Thị L, ngụ tại thôn 1, xã T, huyện

H, tỉnh T (là bạn gái của Lưu Văn Q), do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị L.

Đối với những người vay tiền của các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D hiện chưa xác minh được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 208/CT-VKSBH ngày 12/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã truy tố bị cáo Lưu Văn Q và đồng phạm về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 và Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 15; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Điều 15 Bộ luật hình sự quy định: “Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.”

Xử phạt các bị cáo mức án như sau:

1. Xử phạt tiền bị cáo Lưu Văn Q từ 300.000.000đồng đến 340.000.000đồng;
2. Xử phạt tiền bị cáo Lưu Văn D từ 280.000.000đồng đến 320.000.000đồng;
3. Xử phạt tiền bị cáo Nghiêm Đức L từ 240.000.000đồng đến 280.000.000đồng;
4. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Việt H từ 240.000.000đồng đến 280.000.000đồng;
5. Xử phạt tiền bị cáo Lê Văn A từ 200.000.000đồng đến 240.000.000đồng;
6. Xử phạt tiền bị cáo Đường Văn T từ 200.000.000đồng đến 240.000.000đồng.

- Căn cứ Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D phải nộp lại số tiền 21.800.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D phải nộp lại số tiền 3.651.592đ (Ba triệu sáu trăm năm

mười một nghìn năm trăm chín mươi hai đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60H1-320.88; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60F3-009.44; 01 (một) xe mô tô Honda Wave, biển số 54Z3-2359, 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 79D1-551.58 là phương tiện của bị cáo Lưu Văn Q sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI: 35373039322526 là phương tiện bị cáo Lưu Văn Q sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số IMEI: 357730385078630 là phương tiện bị cáo Nguyễn Việt H sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số IMEI: 35769096501564 là phương tiện bị cáo Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 35670908670092 là phương tiện bị cáo Lê Văn A sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 35297809005105 là phương tiện bị cáo Đường Văn T sử dụng vào việc phạm tội;

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H , Lê Văn A , Nghiêm Đức L , Lưu Văn Q , Đường Văn T , Lưu Văn D trả lại cho bà Lương Thị T 16.398.800đ (Mười sáu triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà T ;

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H , Lê Văn A , Nghiêm Đức L , Lưu Văn Q , Đường Văn T , Lưu Văn D trả lại cho ông Vòng Lý D 10.598.088đ (Mười triệu năm trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám tám đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của ông D .

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H , Lê Văn A , Nghiêm Đức L , Lưu Văn Q , Đường Văn T , Lưu Văn D trả lại cho ông Nguyễn Phương P 27.690.885đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của ông P .

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H , Lê Văn A , Nghiêm Đức L , Lưu Văn Quyết, Đường Văn T , Lưu Văn D trả lại cho bà Hoàng Thị H 11.611.308đ (Mười một triệu sáu trăm mười một nghìn ba trăm lẻ tám đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà H .

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H , Lê Văn A , Nghiêm Đức L , Lưu Văn Q , Đường Văn T , Lưu Văn D trả lại cho ông Nguyễn Thành T 11.619.240đ (Mười một triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của ông T .

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H , Lê Văn A , Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q , Đường Văn T, Lưu Văn D trả lại cho bà Cao Thị T 1.572.245đ (Một triệu năm

trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà T;

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D trả lại cho bà Nguyễn Thị T 1.119.840đ (Một triệu một trăm mười chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà T;

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D trả lại cho ông Nguyễn Đăng K 10.365.400đ (Mười triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của ông K;

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D trả lại cho ông Võ Mạc L 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của ông L;

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D trả lại cho ông Huỳnh Ngọc T 1.197.117đ (Một triệu một trăm chín mươi bảy nghìn một trăm mười bảy đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của ông T;

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D trả lại cho ông Đỗ Trung K 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của ông K;

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D trả lại cho bà Nguyễn Thị P 4.325.485đ (Bốn triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của bà P;

- Buộc ông Vòng Lý D phải nộp lại số tiền 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Buộc ông Nguyễn Phương P phải nộp lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Hoàng Thị H phải nộp lại số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc ông Nguyễn Thành T phải nộp lại số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Cao Thị T phải nộp lại số tiền 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc ông Nguyễn Đăng K phải nộp lại số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu

Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc ông Võ Mạc L phải nộp lại số tiền 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc ông Nguyễn Hoàng T phải nộp lại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc ông Đỗ Trung K phải nộp lại số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc ông Lê Thọ T phải nộp lại số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, không bào chữa và tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục; các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ và hợp lệ. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Đường Văn T cơ đơn xin vắng mặt và bị cáo cũng đồng ý với nội dung truy tố theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Trong giai đoạn điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai, đồng thời những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có bản tự khai đã thể hiện rõ ý kiến của mình. Do vậy, việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tội danh và hình phạt:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận: từ tháng 5/2022 đến ngày 29/10/2022, Lưu Văn Q, Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T, Lưu Văn D đã có hành vi sử dụng số tiền gốc 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) để cho 13 người vay tiền trong 29 lần vay với mức lãi suất từ 13,07%/tháng đến 69,44%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự để nhằm thu lợi bất chính là 134.854.798đ (Một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng) và số tiền thu lợi bất chính thực tế đã chiếm đoạt được là 98.998.408đ (Chín mươi tám triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm lẻ tám đồng).

Lưu Văn Q là người cầm đầu, quản lý hoạt động cho vay lãi nặng.

Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T, Lưu Văn D là những người giúp sức cho Lưu Văn Q thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ảnh hưởng trật tự trị an của xã hội. Hành vi trên làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì muốn thu lợi bất chính vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên cần áp dụng Điều 15 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố các bị cáo theo tội danh, khoản, Điều nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

1/Đối với bị cáo Lưu Văn Q cùng bị cáo Lưu Văn D rủ rê các bị cáo: Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T cùng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính. Bị cáo Q là người chủ mưu dùng tiền của mình, bỏ ra 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho vay lãi nặng. Q là người giữ tiền, quản lý hoạt động của cả nhóm, trực tiếp in số điện thoại 0858.604.509 lên các tờ rơi và đăng thông tin cho vay tiền lên mạng xã hội Facebook để người vay có nhu cầu liên hệ với Q. Khi người vay liên hệ qua số điện thoại thì Q cho các bị cáo H, A, L, T đi xác minh thông tin địa chỉ, tài sản... của người vay. Khi người

vay đủ điều kiện được vay thì Q trực tiếp hướng dẫn người vay về việc cho vay tiền, tiền thực nhận, tiền phí, tiền góp hằng ngày và ố ngày trả góp với mức lãi suất 13,07%/tháng đến 69,44%/tháng. Khi cho vay Q trực tiếp thu phí 05% trên tổng số tiền vay... Bị cáo Q biết việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật, nên cần phải có hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo so với các bị cáo khác (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự)..

2/ Đối với bị cáo Lưu Văn D cùng bị cáo Lưu Văn Q rủ rê các bị cáo: Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Đường Văn T cùng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính. Bị cáo D có nhân thân xấu, biết việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật, nên cần phải có hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo đã phạm tội (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự).

3/Đối với bị cáo Nghiêm Đức L dùng tiền của mình 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), cùng tham gia giúp sức cho bị cáo Q trong việc đi cho vay và thu tiền (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự).

4/Đối với bị cáo Lê Văn A dùng tiền của mình 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), cùng tham gia giúp sức cho bị cáo Q trong việc đi cho vay và thu tiền. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

5/Đối với bị cáo Nguyễn Việt H dùng tiền của mình 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), cùng tham gia giúp sức cho bị cáo Q và D trong việc đi cho vay và thu tiền. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

6/Đối với bị cáo Đường Văn Thủy cùng tham gia giúp sức cho bị cáo Quyết và Dũng trong việc đi cho vay và thu tiền. Bị cáo Thủy không dùng tiền của mình để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Các bị cáo Lưu Văn Q , Nghiêm Đức L , Lưu Văn D có nhân thân xấu. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ.

Các bị cáo Lê Văn A, Nguyễn Việt H, Đường Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự;

- Tình tiết tăng nặng: không
- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

+ Các bị cáo Lê Văn A , Nguyễn Việt H , Đường Văn T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Đối với những người vay tiền của các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D hiện chưa xác minh được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Từ những nhận định trên, căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D phải nộp lại số tiền 21.800.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D phải nộp lại số tiền 3.651.592đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn năm trăm chín mươi hai đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D trả lại tiền thu lợi bất chính cho các ông bà có tên sau đây :

-Bà Lương Thị T 16.398.800đ (Mười sáu triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng);

- Ông Vòng Lý D 10.598.088đ (Mười triệu năm trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám tám đồng) ;

- Ông Nguyễn Phương P 27.690.885đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng);

- Bà Hoàng Thị H 11.611.308đ (Mười một triệu sáu trăm mười một nghìn ba trăm lẻ tám đồng);

- Ông Nguyễn Thành T 11.619.240đ (Mười một triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi đồng);

- Bà Cao Thị T 1.572.245đ (Một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng);

- Bà Nguyễn Thị T 1.119.840đ (Một triệu một trăm mười chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng);

- Ông Nguyễn Đăng K 10.365.400đ (Mười triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm đồng);
- Ông Võ Mạc L 1.000.000đ (Một triệu đồng);
- Ông Huỳnh Ngọc T 1.197.117đ (Một triệu một trăm chín mươi bảy nghìn một trăm mười bảy đồng);
- Ông Đỗ Trung K 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng);
- Bà Nguyễn Thị P 4.325.485đ (Bốn triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng);

Buộc các ông, bà có tên sau đây phải nộp lại tiền là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Lưu Văn D, Đường Văn T sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Ông Vòng Lý D phải nộp lại số tiền 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng);
- Ông Nguyễn Phương P phải nộp lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng);
- Bà Hoàng Thị H phải nộp lại số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng);
- Ông Nguyễn Thành T phải nộp lại số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng);
- Bà Cao Thị T phải nộp lại số tiền 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng);
- Ông Nguyễn Đăng K phải nộp lại số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng);
- Ông Võ Mạc L phải nộp lại số tiền 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng);
- Ông Nguyễn Hoàng T phải nộp lại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
- Ông Đỗ Trung K phải nộp lại số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng);
- Ông Lê Thọ T phải nộp lại số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

[4] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60H1-320.88; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60F3-009.44; 01 (một) xe mô tô Honda Wave, biển số 54Z3-2359, 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 79D1-551.58 là phương tiện của bị cáo Lưu Văn Q sử dụng vào việc phạm tội;
- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI: 35373039322526 là phương tiện bị cáo Lưu Văn Q sử dụng vào việc phạm tội;
- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số IMEI: 357730385078630 là phương tiện bị cáo Nguyễn Việt H sử dụng vào việc phạm tội;
- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số IMEI: 35769096501564 là phương tiện bị cáo Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 35670908670092 là phương tiện bị cáo Lê Văn A sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 35297809005105 là phương tiện bị cáo Đường Văn T sử dụng vào việc phạm tội;

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 60B2-268.53 và 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro là tài sản của chị Lộc Thị L, ngụ tại thôn 1, xã T, huyện H, tỉnh T (là bạn gái của Lưu Văn Q), do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị L.

Đối với những người vay tiền của các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D hiện chưa xác minh được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau là phù hợp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 15, Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt tiền đối với bị cáo Lưu Văn Q số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt tiền đối với bị cáo Lưu Văn D số tiền là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt tiền đối với bị cáo Nghiêm Đức L số tiền là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Việt H số tiền là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn A số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt tiền đối với bị cáo Đường Văn T số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[3] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D phải nộp lại số tiền 21.800.000đ (Hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D phải nộp lại số tiền 3.651.592đ (Ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn năm trăm chín mươi hai đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D trả lại tiền thu lợi bất chính cho các ông bà có tên sau đây :

- Bà Lương Thị T 16.398.800đ (Mười sáu triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng);

- Ông Vòng Lý D 10.598.088đ (Mười triệu năm trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám tám đồng) ;

- Ông Nguyễn Phương P 27.690.885đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng);

- Bà Hoàng Thị H 11.611.308đ (Mười một triệu sáu trăm mười một nghìn ba trăm lẻ tám đồng);

- Ông Nguyễn Thành T 11.619.240đ (Mười một triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm bốn mươi đồng);

- Bà Cao Thị T 1.572.245đ (Một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng);

- Bà Nguyễn Thị T 1.119.840đ (Một triệu một trăm mười chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng);

- Ông Nguyễn Đăng K 10.365.400đ (Mười triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm đồng);

- Ông Võ Mạc L 1.000.000đ (Một triệu đồng);

- Ông Huỳnh Ngọc T 1.197.117đ (Một triệu một trăm chín mươi bảy nghìn một trăm mười bảy đồng);

- Ông Đỗ Trung Kiên 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

- Bà Nguyễn Thị Phương 4.325.485đ (Bốn triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng);

Buộc các ông, bà có tên sau đây phải nộp lại tiền là phương tiện các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Lưu Văn D, Đường Văn T sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Ông Vòng Lý D phải nộp lại số tiền 6.400.000đ (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng);
- Ông Nguyễn Phương P phải nộp lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng);
- Bà Hoàng Thị H phải nộp lại số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng);
- Ông Nguyễn Thành T phải nộp lại số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng);
- Bà Cao Thị T phải nộp lại số tiền 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng);
- Ông Nguyễn Đăng K phải nộp lại số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng);
- Ông Võ Mạc L phải nộp lại số tiền 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng);
- Ông Nguyễn Hoàng T phải nộp lại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);
- Ông Đỗ Trung K phải nộp lại số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng);
- Ông Lê Thọ T phải nộp lại số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng các bị cáo Nguyễn Việt H, Lê Văn A, Nghiêm Đức L, Lưu Văn Q, Đường Văn T, Lưu Văn D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:
- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60H1-320.88; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60F3-009.44; 01 (một) xe mô tô Honda Wave, biển số 54Z3-2359, 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 79D1-551.58 là phương tiện của bị cáo Lưu Văn Q sử dụng vào việc phạm tội;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI: 35373039322526 là phương tiện bị cáo Lưu Văn Q sử dụng vào việc phạm tội;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số IMEI: 357730385078630 là phương tiện bị cáo Nguyễn Việt H sử dụng vào việc phạm tội;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, số IMEI: 35769096501564 là phương tiện bị cáo Lưu Văn D sử dụng vào việc phạm tội;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 35670908670092 là phương tiện bị cáo Lê Văn A sử dụng vào việc phạm tội;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 35297809005105 là phương tiện bị cáo Đường Văn T sử dụng vào việc phạm tội;

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 60B2-268.53 và 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro là tài sản của chị Lộc Thị L, ngụ tại thôn 1, xã T, huyện H, tỉnh T (là bạn gái của Lưu Văn Q), do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị L.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lưu Văn Q, Nguyễn Việt H, Lưu Văn D, Lê Văn A, Nghiêm Đức L và Đường Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), các bị cáo Lưu Văn Q, Nguyễn Việt H, Lưu Văn D, Lê Văn A, Nghiêm Đức L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Đường Văn T vắng mặt tại phiên toà; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đì;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Phạm Thị B

